GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI TP. HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA XVII - KHOA TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO
KỲ THI: CUỐI KỲ - HỌC KỲ 4; MÔN : LỊCH SỬ PHẬT GIÁO VIỆT NAM
MÃ MÔN: VNB109; MÃ LỚP: 517.DC.VNB109.1.1
GIẢNG VIÊN : TT.TS. THÍCH PHƯỚC ĐẠT
THỜI GIAN THI: 15H00 - 16H30; THỨ HAI NGÀY 15/01/2024 - PHÒNG 203A

TT	MSSV	Họ tên	Pháp danh	Ký tên	Điểm	Ghi chú
1	2150000327	Đặng Ngọc Pha Lê	TN. Hải Trang			
2	2150000328	Lê Thị Nhật Lệ	TN. Tâm Đức			
3	2150000336	Lê Thị Lâm Linh	TN. Liên Liên			
4	2150000339	Nguyễn Thị Trúc Linh	TN. Vĩnh Hạnh			
5	2150000347	Phan Kim Loan	TN. Thành Hòa			
6	2150000351	Lê Thị Lộc	TN. Hương Tuệ			
7	2150000355	Bùi Thị Phong Lưu	TN. Nhuận Truyền			
8	2150000370	Trần Thị Diễm My	TN. Liên Hòa			
9	2150000372	Nguyễn Thị Na	TN. Huệ Thoại			
10	2150000376	Hồ Thị Ngân	TN. Thuần Liên			
11	2150000377	Lê Thị Kim Ngân	TN. Hương Tâm			
12	2150000378	Lê Thị Mỹ Ngân	TN. Hạnh Tín			
13	2150000390	Nguyễn Thị Nhàn	TN. Hạnh Tâm			
14	2150000396	Phan Thị Quỳnh Như	TN. Nhật Đoan			
15	2150000398	Đỗ Thị Hồng Nhung	TN. Chân Nhã			
16	2150000400	Phạm Thị Hồng Nhung	TN. Thanh Hoàng			
17	2150000405	Huỳnh Thị Thu Nữ	TN. Hoa Hạnh			
18	2150000408	Dương Thị Oanh	TN. Diệu Phương			
19	2150000417	Nguyễn Thị Anh Phụng	TN. Viên Ân			
20	2150000418	Trần Thị Kim Phước	TN. Thọ Khánh			
21	2150000439	Đào Ngọc Tâm	TN. Tâm Hảo			
22	2150000454	Nguyễn Thị Hồng Thi	TN. An Triết			
23	2150000460	Đinh Thúy Thọ	TN. Diệu Sanh			
24	2150000468	Nguyễn Phương Anh Thư	TN. Tuệ Liên			
25	2150000469	Nguyễn Thị Minh Thư	TN. Vạn Tịnh			

26	2150000474	Nguyễn Thị Thúy	TN. Viên Huyền			
27	2150000478	Trần Thanh Thúy	TN. Phúc Minh			
28	2150000480	Mai Thị Thuỳ	TN. Thánh Thục			
29	2150000489	Trương Thị Thu Thủy	TN. Thanh Nghiêm			
30	2150000497	Nhữ Thị Thanh Trà	TN. Thành Hương			
31	2150000498	Ngô Thị Trâm	TN. Nghĩa Nhân			
32	2150000499	Nguyễn Thị Kim Trâm	TN. Thanh Nguyệt			
33	2150000500	Trần Đặng Thị Bích Trâm	TN. Diệu Đạt			
34	2150000516	Lê Thủy Trúc	TN. Tịnh Minh			
35	2150000519	Nguyễn Thị Tươi	TN. Đức Hoa			
36	2150000528	Nguyễn Trần Phương Uyên	TN. Pháp Từ			
37	2150000529	La Thị Nhật Vân	TN. Huyền Tịnh			
38	2150000531	Nguyễn Thị Kim Vang	TN. Huệ Tâm			
39	2150000546	Huỳnh Đình Tấn	T. Quảng Nghiêm			
40	2250000001	Nguyễn Tuấn Anh	T. Trung Kế			
41	2250000002	Nguyễn Đăng Ánh	T. Khai Trí			
42	2250000003	Lê Phước Bảo	T. Chơn Tu			
43	2250000007	Lê Xuân Điền	T. Tịnh Chánh			
44	2250000011	Trần Thành Duy	T. Giác Tánh			
45	2250000012	Lê Văn Duy	T. Bản Thành			
46	2250000013	Lê Trường Giang	T. Quảng Hải			
47	2250000014	Nguyễn Đức Hân	T. Hải Thiện			
48	2250000016	Mai Thanh Hảo	T. Phước Hỷ			
49	2250000019	Trần Liên Hiệp	T. Giác Minh Sĩ			
50	2250000022	Lê Phúc Huệ	T. Thiện Đạo			

TỔNG BÀI THI:

GIÁM THỊ 1 **GIÁM THỊ 2**
(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ
(Ký , họ tên)

GIẢNG VIÊN